TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày: 25/02/2021.
Về việc: "*T/c về Hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Quế Minh;

2. Ông Trương Thành Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 06/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020; Về việc "*Tranh chấp về Hợp đồng mua bán*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-KDTM ngày 08/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần đầu tư T (Công ty trách nhiệm hữu hạn hóa nông T - cũ);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Quốc A sinh năm 1978; Nơi cư trú Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 01/10/2020).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1968 (chủ hộ kinh doanh Kim B);

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

(Vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B; Đã tống đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư T (do anh Phạm Quốc A đại diện) và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau*: Từ

năm 2012 đến năm 2015, bà Nguyễn Thị Kim B (chủ hộ kinh doanh Kim B) có địa chỉ tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, có thỏa thuận ký hợp đồng làm đại lý với Công ty trách nhiệm hữu hạn hóa nông T (nay đổi tên thành Công ty cổ phần đầu tư T, gọi tắt là Công ty T); Nội dung thỏa thuận là phía bà Nguyễn Thị Kim B nhận phân, thuốc của Công ty T về phân phối lại cho nông dân và sẽ được hưởng hoa hồng, lợi nhuận và chênh lệch, nghĩa vụ là có trách nhiệm thanh toán đúng hạn số nợ cho Công ty, nếu chậm thanh toán thì sẽ chịu phạt và tính lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng. Thời gian đầu thì bà Nguyễn Thị Kim B thực hiện hợp đồng rất tốt nhưng đến khoảng cuối năm 2015 thì thường xuyên vi phạm nghĩa vụ, Công ty phải nhiều lần nhắc nhở và thậm chí cử nhân viên đến cửa hàng để nhận lại số hàng tồn động và đến ngày 31/10/2017 thì hai bên tiến hành quyết toán công nợ thì bà Nguyễn Thị Kim B có thừa nhận và ký biên bản nợ Công ty số tiền là 187.057.811đ, sau đó có trả thêm và đến nay còn nợ số tiền tổng cộng là 176.552.841đ.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn hóa nông T đã đăng ký kinh doanh thay đổi tên thành Công ty cổ phần đầu tư T nên yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim B trả số nợ vật tư còn thiếu tổng cộng là 176.552.841đ, đồng thời yêu cầu tính lãi suất theo mức 10%/năm kể từ ngày 01/12/2018 cho đến nay.

* *Theo bản khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B có nội dung như sau*: Bà Nguyễn Thị Kim B thừa nhận là chủ hộ kinh doanh Kim B và có thỏa thuận ký kết hợp đồng đại lý cho Công ty trách nhiệm hữu hạn hóa nông T để phân phối vật tư nông nghiệp với nội dung như phía đại diện Công ty T trình bày. Thời gian đầu công việc làm ăn rất hiệu quả, tuy nhiên đến khoảng năm 2015 thì công việc kinh doanh bị khó khăn, gia đình gặp biến cố và nông dân không thanh toán tiền nên đã trễ hạn thời gian thanh toán với Công ty T, đồng thời thừa nhận có ký biên bản đối chiếu công nợ ngày từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/10/2017 với số nợ là 187.057.321đ mà nhân viên Công ty đã đưa, tuy nhiên khi đó do gia đình có nhiều chuyện buồn, tâm lý hoang mang và chưa có xem lại chứng từ đối chiếu cụ thể.

Nay Công ty cổ phần đầu tư T yêu cầu trả số nợ 176.552.841đ, lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/12/2018 đến nay thì bà Nguyễn Thị Kim B không đồng ý. Bởi lẽ, Công ty chưa cung cấp được toàn bộ hóa đơn, chứng từ cung cấp hàng hóa, thuế giá trị gia tăng và dư nợ cụ thể, đồng thời chỉ ký hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn hóa nông T mà không có ký với Công ty cổ phần đầu tư T. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim B đã vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng*:

+ Đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán, các bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên tranh chấp thuộc khoản 1 Điều 30, căn cứ Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, An Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

+ Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký lần đầu ngày 08/8/2003 và đăng ký chuyển đổi lần thứ 19 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ngày 15/4/2015 thể hiện: Công ty cổ phần đầu tư T được chuyển đổi tên từ Công ty trách nhiệm hữu hạn hóa nông T. Do đó, nguyên đơn có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Ngày 28/10/2020 giữa đại diện Công ty T và bà Nguyễn Thị Kim B đã thỏa thuận và thống nhất nội dung: Bà B thống nhất trả cho Công ty T số nợ tổng cộng là 187.057.321đ, thời hạn trả là đến ngày 30/11/2020 sẽ trả dứt điểm. Tuy nhiên, do phía nguyên đơn có bổ sung thêm ý kiến là nếu không thanh toán đúng hạn thì yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/11/2017 đến khi thanh toán xong nên Tòa án không thể ra quyết định hòa giải thành theo quy định.

Về nội dung:

[2] Theo biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/10/2017 có nội dung: "Bên A là ông Đào Vũ Hoài Giang là Kế toán trưởng của Công ty cổ phần đầu tư T, bên B là bà Nguyễn Thị Kim B thống nhất đối chiếu công nợ đến ngày 31/10/2017 thì bà Nguyễn Thị Kim B còn nợ của Công ty T số tiền là 187.057.321đ và có chữ ký xác nhận nợ gốc"; Ngoài ra, cũng tại biên bản đối chiếu công nợ ghi từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2019 có nội dung: "Cũng có nội dung như trên nhưng đại diện bên A là ông Nguyễn Văn Huỳnh là Kế toán trưởng, bên B là bà Nguyễn Thị Kim B có đối chiếu công nợ và sau khi khấu trừ tiền thưởng vào công nợ thì bà Nguyễn Thị Kim B còn nợ Công ty T số tiền tổng cộng là 176.552.841đ, biên bản quyết toán có chữ ký ông Nguyễn Văn Huỳnh và đóng dấu Công ty cổ phần đầu tư T". Theo đại diện phía nguyên đơn cho rằng đến nay bà Nguyễn Thị Kim B còn nợ Công ty T số tiền vốn là 176.552.841đ nhưng cố tình không thực hiện thanh toán nên yêu cầu có trách nhiệm trả số nợ theo yêu cầu.

[3] Trong quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp và hòa giải thì bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên bản đối chiếu công nợ do mình trực tiếp ký nhưng lại nại ra rằng khi ký vẫn không có xem chứng từ và do tinh thần không được ổn định do phải nuôi cha già bệnh tật; Trong khi đó, tại buổi hòa giải ngày 28/10/2020 thì bà cũng đã thống nhất thừa nhận số nợ và tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cho công ty theo yêu cầu. Vì vậy, theo yêu cầu trả nợ của đại diện Công ty cổ phần đầu tư T số tiền 176.552.841đ là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Ngoài ra, đại diện Công ty T yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim B do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) đối với số tiền chậm trả như đã thỏa thuận trong hợp đồng đã được hai bên ký kết kể từ ngày bà B trả nợ lần sau cùng là ngày 01/12/2018 cho đến nay. Theo Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Như vậy, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận và được tính toán cụ thể như sau:

Vốn gốc tổng cộng là 176.552.841đ tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày xét xử (tức ngày 25/02/2021) làm tròn là 26 tháng, lãi suất 0,83%/tháng:

176.552.841đ x 0,83% x 26 tháng = 38.099.906đ;

Tổng cộng, vốn lãi: 176.552.841đ + 38.099.906đ = 214.652.747đ.

[5] Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B nại ra rằng: Khi ký biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2017 thì vẫn chưa xem kỹ, không được Công ty cung cấp đầy đủ chứng từ công nợ và đang trong thời điểm tinh thần không ổn định; Ngoài ra, khi ký hợp đồng làm đại lý phân phối cho Công ty trách nhiệm hữu hạn hóa nông T, không ký hợp đồng với nguyên đơn nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu. Trong khi đó, tại phiên hòa giải thì bà Nguyễn Thị Kim B đã thừa nhận số nợ, đồng thời bà không chứng minh được việc ký biên bản đối chiếu công nợ bị ép buộc hoặc không đủ nhận thức nên việc nại ra nêu trên của bị đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B bị buộc trả nợ cho Công ty cổ phần đầu tư T nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư T (do anh Phạm Quốc A đại diện). Buộc bà Nguyễn Thị Kim B có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần đầu tư T số tiền nợ vật tư nông nghiệp vốn, lãi tổng cộng là

214.652.747đ (Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

* Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu 10.732.600 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Công ty cổ phần đầu tư T không phải chịu án phí nên được hoàn lại 6.040.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007221 ngày 12/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng người vắng mặt tại phiên tòa (hoặc vắng mặt khi tuyên án khách quan) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Triều